

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban lãnh đạo	02-03
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	04-05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	06-07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-40

0038
CÔNG
CỔ PH
XÂY
TRIỂN
THĂNG
LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán quý II năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long (tên viết tắt THANGLONG DECO., JSC) tiền thân là Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Ngọc Hà, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302000049 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tây cấp ngày 21 tháng 09 năm 2000. Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Ngọc Hà theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103037857 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 05 năm 2009. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Ngọc Hà được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500383583 ngày 09 tháng 12 năm 2010.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 13 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 13 được cấp ngày 24 tháng 08 năm 2022 với vốn điều lệ là 747.525.860.000 đồng. Vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 747.525.860.000 đồng; tương đương 74.752.586 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN LÃNH ĐẠO VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn An Ngọc	Chủ tịch
Ông Nguyễn An Quân	Thành viên
Ông Phạm Văn Cường	Thành viên
Ông Phạm Văn Tuyền	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên

Các thành viên của Ban lãnh đạo đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Tuyền	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Huyền Thanh	Trưởng ban	
Ông Trần Đức Mưu	Thành viên	
Bà Mai Thị Hương Lan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/04/2023
Bà Trương Thị Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2023

58
TY
AN
DUA
PH
LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến 30/06/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban lãnh đạo cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Nguyễn An Ngọc

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		811.437.332.319	781.925.062.883
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	16.215.471.216	19.353.913.876
111	1. Tiền		12.326.871.216	18.973.913.876
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.888.600.000	380.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	11.100.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		11.100.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		321.063.518.965	493.114.084.553
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	108.091.705.346	107.271.597.806
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	92.433.128.757	172.747.012.892
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	120.000.000.000	40.300.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.065.353.499	174.322.142.492
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(1.526.668.637)	(1.526.668.637)
140	IV. Hàng tồn kho	10	464.971.836.600	261.073.319.555
141	1. Hàng tồn kho		464.971.836.600	261.073.319.555
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		9.175.405.538	8.383.744.899
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	650.729.056	487.450.647
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		5.194.633.079	4.523.645.756
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	3.330.043.403	3.372.648.496
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		186.263.811.256	257.476.857.459
220	II. Tài sản cố định		183.002.796.897	193.821.345.742
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	183.002.796.897	193.821.345.742
222	- Nguyên giá		272.077.977.322	272.077.977.322
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(89.075.180.425)	(78.256.631.580)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	-	60.077.358.345
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	60.077.358.345
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.261.014.359	3.578.153.372
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	3.261.014.359	3.433.936.492
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	a	-	144.216.880
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		997.701.143.575	1.039.401.920.342

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2023**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		204.431.184.190	248.975.990.052
310	I. Nợ ngắn hạn		170.907.429.246	215.452.235.108
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	29.043.858.018	80.518.592.824
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	10.603.976.726	12.703.243.987
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	318.854.607	195.132.162
314	4. Phải trả người lao động		-	243.470.209
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	307.864.345	74.820.046
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	129.121.490.412	120.205.590.742
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.511.385.138	1.511.385.138
330	II. Nợ dài hạn		33.523.754.944	33.523.754.944
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	33.523.754.944	33.523.754.944
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		793.269.959.385	790.425.930.290
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	793.269.959.385	790.425.930.290
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		747.525.860.000	747.525.860.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		747.525.860.000	747.525.860.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(71.250.000)	(71.250.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		764.692.569	764.692.569
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		40.952.612.169	38.094.669.592
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		38.023.402.810	24.421.854.352
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		2.929.209.359	13.672.815.240
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		4.098.044.647	4.111.958.129
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		997.701.143.575	1:039.401.920.342



Trần Thị Nga
Người lậpTrần Thị Nga
Kế toán trưởngNguyễn An Ngọc
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II năm 2023	Quý II năm 2022	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	83.399.457.411	122.675.205.575	164.817.774.190	256.584.412.947
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	132.190.000	15.530.000	132.190.000	47.603.159
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		83.267.267.411	122.659.675.575	164.685.584.190	256.536.809.788
11	4. Giá vốn hàng bán	21	78.604.496.098	114.715.410.770	155.353.835.136	237.043.339.703
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.662.771.313	7.944.264.805	9.331.749.054	19.493.470.085
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	2.400.585.088	422.690.389	2.923.723.816	1.083.427.609
22	7. Chi phí tài chính	23	2.096.376.119	1.822.935.439	4.258.500.893	3.427.133.786
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		2.096.376.119	1.822.935.439	4.258.500.893	3.417.626.527
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	8.135.533	-	11.001.580
25	9. Chi phí bán hàng	24	875.527.614	1.661.764.538	949.771.842	2.058.089.317
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	1.987.134.568	1.645.820.728	3.407.862.663	4.779.380.917
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.104.318.100	3.244.570.022	3.639.337.472	10.323.295.255

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II năm 2023	Quý II năm 2022	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
			VND	VND	VND	VND
31	12. Thu nhập khác		1.382	4.829	13.289	111.824
32	13. Chi phí khác	26	204.527.017	81.816.066	288.067.679	164.865.153
40	14. Lợi nhuận khác		(204.525.635)	(81.811.237)	(288.054.390)	(164.753.329)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.899.792.465	3.162.758.785	3.351.283.082	10.158.541.926
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	345.231.322	(20.430.987)	429.895.644	111.583.249
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	5.726.551
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>1.554.561.143</u>	<u>3.183.189.772</u>	<u>2.921.387.438</u>	<u>10.041.232.126</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ				2.929.209.359	10.040.833.381
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát				(7.821.921)	398.745
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28			39	235

Trần Thị Nga

Trần Thị Nga
Người lập

Trần Thị Nga

Trần Thị Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn An Ngọc
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2023	Từ ngày 01/01/2022
			đến ngày 30/06/2023	đến ngày 30/06/2022
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		3.351.283.082	10.158.541.926
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		10.818.548.845	10.850.527.765
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.923.723.816)	(1.083.427.609)
06	- Chi phí lãi vay		4.258.500.893	3.417.626.527
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		15.504.609.004	23.343.268.609
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		252.451.658.758	(7.765.771.126)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(203.898.517.045)	(112.739.471.122)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(53.599.162.372)	36.202.834.722
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		9.643.724	(300.782.557)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4.258.500.893)	(3.417.626.527)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(175.697.322)	(182.065.438)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.034.033.854	(64.859.613.439)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(1.926.181.576)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(137.511.100.000)	(25.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		57.800.000.000	18.800.000.000
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		60.000.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.622.723.816	1.083.427.609
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(18.088.376.184)	(7.042.753.967)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		136.188.187.915	181.092.926.605
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(127.272.288.245)	(118.581.747.204)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		8.915.899.670	62.511.179.401

3300
CÔ
CỔ
ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN
THĂNG LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2023	Từ ngày 01/01/2022
			đến ngày 30/06/2023	đến ngày 30/06/2022
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(3.138.442.660)	(9.391.188.005)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		19.353.913.876	22.091.697.300
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>16.215.471.216</u>	<u>12.700.509.295</u>

guy

guy



Trần Thị Nga
Người lập

Trần Thị Nga
Kế toán trưởng

Nguyễn An Ngọc
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2023

583
NG
PH
ẢY
RI
IG
ONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long (tên viết tắt THANGLONG DECO., JSC) tiền thân là Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Ngọc Hà, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302000049 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tây cấp ngày 21 tháng 09 năm 2000. Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Ngọc Hà theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103037857 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 05 năm 2009. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Ngọc Hà được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500383583 ngày 09 tháng 12 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 13 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 13 được cấp ngày 24 tháng 08 năm 2022 với vốn điều lệ là 747.525.860.000 đồng. Vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 747.525.860.000 đồng; tương đương 74.752.586 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng, thương mại dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Lắp đặt hệ thống điện;
- Dịch vụ chăm sóc duy trì cảnh quan, cây trên trục cao tốc, tòa nhà công nghiệp và thương mại;
- Lắp đặt xây dựng khác;
- Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Sản xuất, kinh doanh gỗ ván ép.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2023 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Xây dựng Thương mại và Sản xuất Ván ép Thăng Long	Hà Nội	98,57%	98,57%	Sản xuất, kinh doanh gỗ, ván ép
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Chế biến Lâm sản Thăng Long	Hà Nội	90,63%	90,63%	Sản xuất, kinh doanh gỗ, ván ép

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2023

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2023

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2023

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2023

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

CHẤU
PHÁ
TH
TVP

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2023

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Vay và nợ phải trả

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Bán điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty, và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

003
CÔNG
CỐ P
H XÃ
TR
ANG
LƯU

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2023

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

335
CÔNG TY
HÀNG
ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG
VÀ PHÁT TRIỂN
ĐÔ THỊ THĂNG LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2023

2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi nhánh Miền Trung - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long được áp dụng mức thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm (kể từ năm 2018 đến năm 2032) và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm (từ năm 2018 đến năm 2021) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Chi nhánh Miền Nam Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Sản xuất Ván ép Thăng Long áp dụng mức thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm (kể từ năm 2016 đến năm 2030) và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm (kể từ năm 2016 đến năm 2019) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2023

2.22 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	9.464.728.636	4.016.081.606
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.862.142.580	14.957.832.270
Các khoản tương đương tiền	3.888.600.000	380.000.000
	16.215.471.216	19.353.913.876

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại.



4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2023			01/01/2023		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND
Đầu tư vào công ty liên kết			-			60.077.358.345
- Công ty Cổ phần Ván ép Đồng Hới	0,00%	0,00%	-	33,33%	33,33%	60.077.358.345
			-			60.077.358.345

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/2023/NQ-HĐQT/TLĐ ngày 28/03/2023, Công ty thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty CP Ván ép Đồng Hới với giá trị chuyển nhượng là 60.000.000.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã hoàn thành các thủ tục chuyển nhượng và thu hồi toàn bộ số tiền nói trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2023**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng là bên liên quan				
Công ty CP ĐT và KD Quốc tế Tre Việt	1.628.687.500	-	527.276.585	-
Công ty CP ĐT XD và CBLs An Khang	880.702.500	-	9.760.000	-
Công ty CP Đầu tư và Sản xuất Gỗ Tre Việt	-	-	2.136.400.000	-
Phải thu khách hàng khác				
Công ty TNHH MTV XNK Gỗ Hà Nội	12.339.822.985	-	34.054.298.385	-
Công ty Cổ phần Hòa Bình Corporations	15.904.614.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Ván ép Tây Hà Nội	20.802.995.600	-	10.781.863.600	-
Công ty TNHH MTV Kỹ nghệ gỗ Hoa Nét	1.695.535.545	-	8.592.039.360	-
Công ty CP ĐTPPT Xây dựng Miền Bắc	5.013.895.455	(1.504.168.637)	5.013.895.455	(1.504.168.637)
Công ty TNHH Xây dựng Hà Gia Bảo	3.420.637.200	-	3.374.637.200	-
Công ty TNHH XD - TM và DV Ân Nghĩa	-	-	3.267.000.000	-
Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Mê Linh (CT hạ tầng đầu giá QSD đất)	6.431.943.000	-	2.874.501.000	-
BQLDA đầu tư XD CT văn hóa - xã hội TP Hà Nội (trụ sở CA huyện Đan Phượng)	3.239.188.000	-	4.783.336.000	-
Công ty TNHH TM DV VP Nam Phương	6.986.687.665	-	6.448.875.765	-
Phải thu khách hàng khác	29.746.995.896	-	25.407.714.456	-
	108.091.705.346	(1.504.168.637)	107.271.597.806	(1.504.168.637)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THẮNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2023**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Trả trước cho người bán là bên liên quan				
Công ty CPĐT XD và CBL S An Khang (*)	30.000.000.000	-	70.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và KD QT Tre Việt (**)	50.000.000.000	-	90.000.000.000	-
Trả trước cho người bán khác				
Các hộ dân tại cụm CN làng nghề Hồ Điền - Liên Trung	-	-	10.000.000.000	-
Ông Nguyễn Hợp Trường - Liên Trung	2.000.000.000	-	-	-
Ông Vũ Đình Thắng - Liên Trung	5.000.000.000	-	-	-
Ông Nguyễn Đình Chung - Liên Trung	3.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Cơ khí và xây dựng Hiệp Khanh	1.334.922.500	-	-	-
Các đối tượng khác	1.098.206.257	-	2.747.012.892	-
	92.433.128.757	-	172.747.012.892	-

(*) Là khoản tạm ứng theo hợp đồng thi công xây dựng dự án nhà máy sản xuất ván ép tại Bắc Kạn. Đến thời điểm hiện tại, khoản công nợ này đã được thu lại một phần do dự án chưa đủ điều kiện triển khai.

(**) Là khoản tạm ứng theo hợp đồng thi công xây dựng dự án Cụm công nghiệp Song Phượng và dự án Cụm công nghiệp Hồng Dương. Đến thời điểm hiện tại, khoản công nợ này đã được thu lại một phần do dự án chưa đủ điều kiện triển khai.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2023

8 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN (*)

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu là bên liên quan				
Bà Lê Thị Ánh	-	-	800.000.000	-
Bà Trần Thị Thành	7.000.000.000	-	-	-
Phải thu các đối tượng khác				
Cán bộ công nhân viên	30.000.000.000	-	21.000.000.000	-
Các cá nhân khác	83.000.000.000	-	18.500.000.000	-
	120.000.000.000	-	40.300.000.000	-

(*) Khoản cho vay cá nhân với lãi suất 3,6% - 9%/năm, thời hạn cho vay tối đa 6 tháng.

8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu là bên liên quan				
Tạm ứng Ông Trần Đức Mưu (*)	-	-	43.600.000.000	-
Tạm ứng Ông Nguyễn An Dũng (**)	-	-	15.000.000.000	-
Tạm ứng Bà Lê Thị Ánh	-	-	1.700.000.000	-
Phải thu đối tượng khác				
Tạm ứng các đối tượng khác (*)	-	-	43.000.000.000	-
Phải thu Ông Nguyễn Hữu Tuyền (**)	-	-	70.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	663.082.500	-	1.013.055.100	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.301.000.000	-	-	-
Phải thu khác	101.270.999	-	9.087.392	-
	2.065.353.499	-	174.322.142.492	-

(*) Là khoản tạm ứng phục vụ giải phóng mặt bằng tại cụm công nghiệp Xã Hồng Dương, Huyện Thanh Oai; Cụm công nghiệp Xã Song Phượng, Huyện Đan Phượng; TP Hà Nội và dự án nhà máy sản xuất ván ép tại tỉnh Bắc Kạn.

Đến thời điểm hiện tại, các cá nhân này đã thực hiện chi đền bù giải phóng mặt bằng với tổng giá trị
+ Dự án Cụm công nghiệp Hồng Dương: 43.257.150.000 đồng
+ Dự án Cụm công nghiệp Song Phượng: 43.527.200.000 đồng

(**) Là khoản phải thu phục vụ giải phóng mặt bằng tại dự án nhà máy sản xuất ván ép tại tỉnh Bắc Kạn. Đến thời điểm hiện tại, khoản công nợ này đã được thu hồi toàn bộ do dự án chưa đủ điều kiện triển khai.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2023

9 . Dự phòng phải thu khó đòi

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu người bán ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển xây dựng Miền Bắc	5.013.895.455	(1.504.168.637)	5.013.895.455	(1.504.168.637)
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
- Chi nhánh Công ty CP EJC tại Bắc Giang	45.000.000	(22.500.000)	45.000.000	(22.500.000)
	5.058.895.455	(1.526.668.637)	5.058.895.455	(1.526.668.637)

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	61.729.626.254	-	66.811.284.489	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	314.887.443.379	-	139.500.560.881	-
Thành phẩm	64.385.869.850	-	34.787.600.631	-
Hàng hoá	23.968.897.117	-	19.973.873.554	-
	464.971.836.600	-	261.073.319.555	-

358
TY
N
UNG
ĐÔ T
NG
TP

11 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2023	148.584.142.624	112.664.008.636	10.829.826.062	272.077.977.322
Tại ngày 30/06/2023	148.584.142.624	112.664.008.636	10.829.826.062	272.077.977.322
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2023	24.604.568.944	47.093.949.817	6.558.112.819	78.256.631.580
- Khấu hao trong kỳ	4.623.068.126	5.599.785.894	595.694.825	10.818.548.845
Tại ngày 30/06/2023	29.227.637.070	52.693.735.711	7.153.807.644	89.075.180.425
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	123.979.573.680	65.570.058.819	4.271.713.243	193.821.345.742
Tại ngày cuối kỳ	119.356.505.554	59.970.272.925	3.676.018.418	183.002.796.897

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 140.058.667.801 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 21.829.138.472 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2023**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí CCDC	-	38.614.160
Phí bảo hiểm xe, phí đường bộ	49.574.978	79.519.482
Bảo hiểm nhà máy và máy móc	47.921.362	192.549.847
Chi phí làm thí nghiệm và cấp chứng chỉ chất lượng	-	86.336.750
Cước vận chuyển	82.781.998	-
Chi phí thuê hạ tầng	423.909.092	79.252.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	46.541.626	11.178.408
	<u>650.729.056</u>	<u>487.450.647</u>
b) Dài hạn		
Chi phí CCDC	505.604.934	795.004.153
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản	254.830.131	81.317.538
Chi phí san lấp mặt bằng	2.485.971.607	2.554.821.607
Chi phí phần mềm	3.330.347	2.793.194
Chi phí trả trước dài hạn khác	11.277.340	-
	<u>3.261.014.359</u>	<u>3.433.936.492</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2023

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Phải trả người bán là bên liên quan				
Công ty CP ĐT và KD Quốc Tế Tre Việt	675.340.000	675.340.000	-	-
Phải trả người bán là bên khác				
Công ty CP ĐTTM Hoàng Châu	84.565.012	84.565.012	16.975.615.012	16.975.615.012
Công ty CP ĐT SX Thương Mại Gia Phong	2.398.880.000	2.398.880.000	16.236.720.000	16.236.720.000
Công ty TNHH Thuận Hà	3.584.129.834	3.584.129.834	3.822.238.434	3.822.238.434
Công ty TNHH MTV Thi công cơ giới và TM Phú Cường	450.751.870	450.751.870	529.200.000	529.200.000
Công ty TNHH Ngô Huy Dũng	1.047.475.000	1.047.475.000	224.294.400	224.294.400
Công ty TNHH MTV DV cây xanh Phương Nam	2.108.056.000	2.108.056.000	2.318.056.000	2.318.056.000
Công ty CP TM DV và KT PCCC Thăng Long	1.880.048.500	1.880.048.500	-	-
Công ty CP TM và XD Thịnh Anh	1.039.879.747	1.039.879.747	-	-
Công ty CP Đầu tư XD và TM Đức Mạnh	1.092.820.100	1.092.820.100	-	-
Phải trả các đối tượng khác	14.681.911.955	14.681.911.955	40.412.468.978	40.412.468.978
	29.043.858.018	29.043.858.018	80.518.592.824	80.518.592.824



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2023**14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Người mua trả tiền trước khác		
Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Mê Linh (gói thầu 10 - mua sắm LĐTĐ khu đấu giá QSD đất xã Liên Mạc)	1.180.000.000	1.180.000.000
Ban QLDA ĐTXD Huyện Đan Phượng (tuyến đường N14-Cầu Phụng)	4.819.500.000	6.885.000.000
Công ty TNHH Tâm Điền - Tây Yên Tử	1.822.812.000	-
BQL DA đầu tư XD huyện Thanh Trì (CT nhà văn hóa thôn Siêu Quần, xã Tá Thanh Oai)	1.785.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng và Vận tải Nam Hải	-	3.679.152.900
Phải thu khác	996.664.726	959.091.087
	<u><u>10.603.976.726</u></u>	<u><u>12.703.243.987</u></u>

JSC
C
ĐẦU TƯ
HÁT
THÁ
PH

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	3.255.809.911	62.927.845	(64.914.700)	66.351.982	3.328.946.298	4.797.550
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	115.838.585	132.204.317	473.291.542	175.697.322	97.105	314.057.057
Các loại thuế khác	1.000.000	-	-	-	1.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	49.227.011	49.227.011	-	-
	3.372.648.496	195.132.162	457.603.853	291.276.315	3.330.043.403	318.854.607

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản tính thuế với thuế suất 20%.

Chi nhánh Miền Trung - Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long được áp dụng mức thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm (kể từ năm 2018 đến năm 2032) và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm (từ năm 2018 đến năm 2021) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Chi nhánh Miền Nam Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Sản xuất Ván ép Thăng Long áp dụng mức thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm (kể từ năm 2016 đến năm 2030) và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm (kể từ năm 2016 đến năm 2019) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	116.156.196	74.820.046
- Bảo hiểm xã hội	143.779.496	-
- Bảo hiểm y tế	33.181.375	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	14.747.278	-
	307.864.345	74.820.046

17 - VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2023		Trong kỳ		30/06/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	113.006.770.742	113.006.770.742	136.188.187.915	124.115.211.578	125.079.747.079	125.079.747.079
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Đan Phượng (1)	27.000.000.000	27.000.000.000	31.450.000.000	31.450.000.000	27.000.000.000	27.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sơn Tây (2)	80.008.546.084	80.008.546.084	98.738.187.915	86.655.198.055	92.091.535.944	92.091.535.944
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Quảng Bình (3)	5.998.224.658	5.998.224.658	6.000.000.000	6.010.013.523	5.988.211.135	5.988.211.135
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	7.198.820.000	7.198.820.000	-	3.157.076.667	4.041.743.333	4.041.743.333
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sơn Tây (4)	6.986.420.000	6.986.420.000	-	3.056.710.000	3.929.710.000	3.929.710.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội (5)	212.400.000	212.400.000	-	100.366.667	112.033.333	112.033.333
	120.205.590.742	120.205.590.742	136.188.187.915	127.272.288.245	129.121.490.412	129.121.490.412
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sơn Tây (4)	33.274.354.944	33.274.354.944	-	-	33.274.354.944	33.274.354.944
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội (5)	249.400.000	249.400.000	-	-	249.400.000	249.400.000
	33.523.754.944	33.523.754.944	-	-	33.523.754.944	33.523.754.944

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2023

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Là khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đan Phượng Tây Đô theo Hợp đồng tín dụng số 2211-LAV-202200944 ngày 04 tháng 07 năm 2022, số tiền vay không vượt quá 27.000.000.000 VND; mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động thi công xây dựng công trình và sản xuất các loại ván ép công nghiệp; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ 3 số 1777 ngày 02/7/2022 là tài sản của ông Nguyễn Hữu Cường và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 10/2018 là Tài sản của Ông Nguyễn An Ngọc và Bà Trần Thị Thành được sửa đổi lần 2 số 1776 ngày 02/7/2022.
- (2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sơn Tây theo Hợp đồng số 78798.22.830.2711868.TD ngày 15 tháng 08 năm 2022, giá trị hạn mức tín dụng 170.000.000.000 VND gồm:
 - + Hạn mức cho vay: 100.000.000.000 VND;
 - + Hạn mức bảo lãnh thanh toán: 10.000.000.000 VND.
 - + Hạn mức ngoài bảo lãnh thanh toán: 70.000.000.000 VNĐGiá trị HMTD trên đây đã bao gồm toàn bộ dự nghĩa vụ của khách hàng theo Hợp đồng cấp tín dụng số 52035.21.830.2711868.TD ngày 04 tháng 10 năm 2021. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động thi công xây lắp, kinh doanh ván gỗ ép, gỗ coppha của Công ty và Chi nhánh Miền Trung; thời hạn vay đến ngày 02/8/2023. Tài sản đảm bảo bao gồm:
 - + Sản lượng dở dang, quyền đòi nợ hình thành từ Hợp đồng số 228/2020/HDXD/BQLDAPT và các phụ lục kèm theo nếu có);
 - + Sản lượng dở dang, quyền đòi nợ hình thành từ Hợp đồng số 14/2021/HD-XD và các phụ lục kèm theo nếu có);
 - + Sản lượng dở dang, quyền đòi nợ hình thành từ Hợp đồng số 15/2021/HD-XD và các phụ lục kèm theo nếu có);
 - + Sản lượng dở dang, quyền đòi nợ hình thành từ Hợp đồng số 206/2021/HD-XD và các phụ lục kèm theo nếu có);
 - + Sản lượng dở dang, quyền đòi nợ hình thành từ Hợp đồng số 86/2019/HDXL-PTQD và các phụ lục kèm theo nếu có);
 - + Sản lượng dở dang, quyền đòi nợ hình thành từ Hợp đồng số 18/2019/HDXD và các phụ lục kèm theo nếu có);
 - + 04 máy ép thủy lực model SM-RY18A theo Hợp đồng mua bán số 01.2018/XNK TL TRUNGVIET-THANG LONG ngày 09/07/2018; hóa đơn VAT số 0000327 ngày 27/09/2018.
 - + 08 máy trộn keo model SR-BJ80; 01 máy mài vát 2 cạnh tấm ván model SR-Y1102A; 01 máy lật tấm ván model SREB-20A; 04 máy xếp ván bóc dạng băng tải model SR-PB24A; 06 máy bôi keo model SM-1400A theo Hợp đồng mua bán số 01.2018/XNK TL TRUNG VIET - THANG LONG ngày 09/07/2018; hóa đơn VAT số 0000344 ngày 20/12/2018, số 0000345 ngày 20/12/2018.
 - + 06 Bộ máy móc thiết bị dùng để sản xuất tấm ván ép bao gồm 03 máy ép thủy lực ép nguội) model RD-LYJ; công suất 7.7 KW/380V/50HZ; 02 máy ép thủy lực ép nhiệt) loại 20 tầng model RD-LYJ 21/20; 01 máy ép thủy lực ép nhiệt) loại 15 tầng model RD-LYJ 13/12 19 theo hợp đồng mua bán số 20190820/AN.PHAT-DO.THI.THANG.LONG ngày 20/08/2019 và phụ lục hợp đồng số 01-20190820/AN.PHAT-DO.THI.THANG.LONG; hóa đơn VAT số 00000486 ngày 07/11/2019.
 - + 03 máy ép thủy lực ép nguội) dùng để sản xuất tấm ván ép model RD-LYJ công suất 7.7KW/380V/50Hz dạng đồng bộ tháo rời lực ép 25Mpa), mới 100% sản xuất năm 2019; 02 máy ép thủy lực ép nhiệt) dùng để sản xuất ván ép loại 20 tầng model RD-LYJ 21/20 19, công suất 37,5Kw/380V/50Hz dạng đồng bộ tháo rời lực ép 25Mpa), mới 100% sản xuất năm 2019; 01 máy cưa cắt cạnh gỗ đặt cố định) ký hiệu JY JX 4/8, công suất 38Kw/380V/50Hz, dạng đồng bộ tháo rời, mới 100% sản xuất năm 2019 theo hợp đồng mua bán số 20190820/ AN.PHATDO.THI.THANG.LONG ngày 20/08/2019 và phụ lục hợp đồng số 01-20190820/AN.PHATDO.THI.THANG.LONG; hóa đơn VAT số 00000491 ngày 11/11/2019.

C.T.C.
VÀ
HỊ
H.A.N.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2023

- + 03 máy xếp ván gỗ bóc loại đặt cố định dùng để sản xuất ván ép model SRPB-20A; 02 máy mài bong tấm ván đặt cố định model BSGN5213R-R; 01 máy lật tấm ván đặt cố định dùng trong sản xuất ván ép model SRFB-1300 theo hợp đồng mua bán số 02.2019/XNK TRUNG VIETTHANGLONG ngày 12/08/2019; hóa đơn VAT số 0000403 ngày 23/12/2019.
- + Máy Rulo 4 tầng khoang nóng, 2 khoang làm mát theo hợp đồng số 01-072018/HĐKT/Vitech/2018 ngày 01/07/2018, hóa đơn VAT số 0000270 ngày 24/10/2018.
- + 02 máy mài bóng tấm ván model SR-R1300A, 01 máy mài bóng tấm ván model SR-P1300A, 01 máy may ván cố định QSCT-6A, 04 máy ép sơ bộ đặt cố định SR-4X8LY theo hợp đồng số 01.2018/XNK TL TRUNGVIET-THANGLONG ngày 09/07/2018, hóa đơn VAT số 0000335 ngày 09/11/2018.
- + Hệ thống lò dầu tải nhiệt 5.000.000 KCAL/H theo hợp đồng số 010818/HĐKT ngày 01/08/2018, hóa đơn VAT số 0001685 ngày 12/11/2018.
- + 02 Bộ máy ép thủy lực máy ép nhiệt) dùng để sản xuất ván ép loại 16 tầng model YQB-58 theo hợp đồng số 20181207/AN.PHAT-THANG.LONG ngày 07/12/2018, hóa đơn VAT số 0000150 ngày 24/12/2018.
- + 03 máy bôi keo đặt cố định, 02 máy trộn keo đặt cố định, 01 máy cưa cắt cạnh ván ép theo hợp đồng mua bán số 01.2018/XNK TL TRUNGVIET-TLONG ngày 09/07/2018, hóa đơn VAT số 0000336 ngày 09/11/2018.
- + Máy móc thiết bị là hệ thống hút bụi trung tâm theo hợp đồng kinh tế số 250.09/VNS-ĐTTL/HĐKT/2018 ngày 24/09/2018, hóa đơn VAT số 0000062 ngày 08/12/2018.
- + Hệ thống thiết bị lò hơi 7.000KG/H theo hợp đồng kinh tế số 070718/HĐKT ngày 20/07/2018, hóa đơn VAT số 0001730 ngày 04/12/2018.
- + Máy sấy Rulo 4 tầng 8 khoang nóng, 2 khoang làm mát theo hợp đồng kinh tế số 02-072018/HĐKT/Vitech/2018 ngày 24/07/2018, hóa đơn VAT số 0000300 ngày 19/12/2018.
- + 02 máy ép nhiệt thủy lực 600T) model SM-RY15A theo hợp đồng số 01.2018/XNK TLVIETRUNG-THANGLONG ngày 09/07/2018, hóa đơn VAT số 0000328 ngày 28/09/2018.
- + Máy sấy Rulo 4 tầng 8 khoang nóng, 2 khoang làm mát theo hợp đồng kinh tế số 02-072018/HĐKT/Vitech/2018 ngày 24/07/2018, hóa đơn VAT số 0000300 ngày 19/12/2018.
- + Bất động sản là công trình Nhà máy sản xuất ván ép công nghiệp tại thửa đất số 1303, tờ bản đồ số 1, địa chỉ thôn 10, xã Lý Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình bao gồm công trình xây dựng trên đất và giá trị lợi thế (thương mại) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CV 284978 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 02/07/2020 cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển đô thị Thăng Long; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CV 284981 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 02/07/2020 cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển đô thị Thăng Long; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CV 284979 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 02/07/2020 cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển đô thị Thăng Long.
- + Xe ô tô con nhãn hiệu Mercedes Benz, biển kiểm soát 30E-966.99 theo giấy chứng nhận đăng ký số 223491 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 11/05/2016 cho khách hàng, đăng ký lần đầu ngày 18/06/2015.
- + Xe ô tô con nhãn hiệu Lexus biển RX350, biển kiểm soát 30A-859.26 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 136677 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/10/2015 cho ông Nguyễn An Ngọc.
- + Xe ô tô con nhãn hiệu Lexus biển RX570, biển kiểm soát 30F-024.26 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 508497 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 12/10/2018 cho ông Nguyễn An Ngọc, đăng ký lần đầu ngày 05/01/2018.
- + Bất động sản tại thửa số 692, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thôn Trung, xã Liên Trung, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây nay là thành phố Hà Nội) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T689023 do Ủy ban nhân dân huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 30/09/2004 cho ông Nguyễn An Ngọc.
- + Bất động sản tại thửa số 356, tờ bản đồ số 02, địa chỉ cụm 2, xã Liên Trung, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CT 493957 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 18/10/2019 cho ông Nguyễn Thanh Hải.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2023

- + 02 xe nâng EP – Liên doanh BigJoe số 1 Mỹ model CPCD30T8 sản xuất năm 2019 tại Trung Quốc, mới 100%; 01 xe nâng hàng động cơ Diezel Mitsubishi S4S sức nâng 3,5 tấn, số tự động, nhãn hiệu Goodsense, model FD35, số máy S4S319538, sản xuất năm 2018 tại Trung Quốc; 01 xe nâng hàng động cơ Diezel Mitsubishi S4S sức nâng 3,5 tấn, tầm tải 500mm, chiều cao nâng 3000mm, số tự động, nhãn hiệu Goodsense, model FD35, số máy S4S319530, sản xuất năm 2018 tại Trung Quốc; 01 xe nâng hàng động cơ Diezel Mitsubishi S4S sức nâng 3 tấn, tầm tải 500mm, chiều cao nâng 3000mm, số tự động, nhãn hiệu Goodsense, model FD30, số máy S4S307218, sản xuất năm 2018 tại Trung Quốc; 01 xe nâng EP-Liên doanh BigJoe số 1 Mỹ sản xuất năm 2019 tại Trung Quốc theo HĐKT số 1405/HĐKT/TP-TL/2019; 01 hệ thống hút bụi trung tâm 55Kw theo hợp đồng kinh tế số 098.08/VNS-ĐTTL/HĐKT/2019 ký ngày 19/08/2019 và hóa đơn số 0000025; theo hợp đồng số 0412/HĐKT/TP-TL/2019 ngày 04/12/2019, hóa đơn VAT số 0000059 ngày 07/01/2020; hợp đồng số 098.08/VNS-ĐTTL/HĐKT/2019 ngày 19/08/2019 kèm theo phụ lục hợp đồng số 01, hóa đơn VAT số 0000025 ngày 18/01/2020; Hợp đồng số 236/HDMB/2018 ngày 16/09/2018, hóa đơn VAT số 0000146 ngày 25/09/2018, hóa đơn VAT số 0000191 ngày 11/12/2018; hợp đồng số 1405/HĐKT/TP-TL/2019 ngày 14/05/2019, hóa đơn VAT số 0000007 ngày 27/05/2019.
- (3) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 902/2022/VCB.KHDN ký ngày 6/5/2022, số tiền cho vay tối đa là 6.000.000.000 VND, thời hạn 12 tháng từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay mỗi khoản nợ tối đa 6 tháng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Tài sản đảm bảo bao gồm: Quyền sử dụng đất số DB 506884, thửa đất số 82, tờ bản đồ số 2, địa chỉ tại cụm 2, xã Liên Trung, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 884/2022/VCB.KHDN ký ngày 27/04/2022 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình và ông Nguyễn An Bích – bà Nguyễn Thị Liên.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2023

Thông tin chi tiết đến khoản vay dài hạn:

- (4) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sơn Tây theo các hợp đồng sau:
- + Hợp đồng tín dụng số 33504.18.830.2711868.TD ngày 20 tháng 09 năm 2018, số tiền vay không vượt quá 35.000.000.000 VND; mục đích tài trợ chi phí lắp đặt máy móc thiết bị để thực hiện đầu tư xây dựng nhà máy ván ép công nghiệp tại KCN Bắc Đông Hới - tỉnh Quảng Bình; thời hạn vay 96 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, tài sản đảm bảo là nhà xưởng và máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ phương án ngân hàng tài trợ; Phụ lục hợp đồng hạn mức tín dụng số 33504.18.830.2711868.TD.PL.02 ngày 13 tháng 02 năm 2020 bổ sung hạn mức số tiền vay thêm 10.000.000.000 VND.
 - + Hợp đồng Tín dụng số 73397.21.830.2711868.TD ký ngày 05/01/2022; hạn mức tín dụng tối đa 100.000.000.000 VND; thời hạn rút vốn 12 tháng kể từ ngày 03/12/2021; lãi suất cụ thể theo từng Giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay: Tài trợ chi phí thực hiện dự án Cụm Công nghiệp Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội. Thời hạn cho vay tối đa 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo bao gồm: Tài sản độc lập bao gồm tiền ký quỹ tại MB/ Hợp đồng tiền gửi/ Thẻ tiết kiệm/ giấy tờ có giá do MB phát hành, tối thiểu 30% giá trị tài trợ; Toàn bộ các quyền tài sản phát sinh từ dự án, tài sản hình thành trên đất trong tương lai; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng cho thuê lại đất trong tương lai.
- (5) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội theo Hợp đồng cho vay kiểm thể chấp số 322/2020/HĐTD/STY/01 ngày 26 tháng 10 năm 2020, số tiền vay 922.000.000 VND; mục đích thanh toán số tiền mua ô tô theo hợp đồng mua bán số 131/GMG-DTL/09.20 ngày 15/09/2020; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên.

050
CỔ
C
ĐẦU TƯ
HÁT T
THAI
PHU

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm 2022						
Tại ngày 01/01/2022	427.525.860.000	(38.050.000)	399.717.767	25.514.714.546	4.121.145.664	457.523.387.977
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	320.000.000.000	(33.200.000)	-	-	-	319.966.800.000
Lãi/lỗ trong năm 2022	-	-	-	13.672.815.240	(9.187.535)	13.663.627.705
Trích lập các quỹ	-	-	364.974.802	(1.094.924.406)	-	(729.949.604)
Giảm khác	-	-	-	2.064.212	-	2.064.212
Tại ngày 31/12/2022	747.525.860.000	(71.250.000)	764.692.569	38.094.669.592	4.111.958.129	790.425.930.290
Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023						
Số dư đầu năm nay	747.525.860.000	(71.250.000)	764.692.569	38.094.669.592	4.111.958.129	790.425.930.290
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	2.929.209.359	(7.821.921)	2.921.387.438
Tăng/giảm khác do hợp nhất	-	-	-	(71.266.782)	(6.091.561)	(77.358.343)
Số dư cuối kỳ này	747.525.860.000	(71.250.000)	764.692.569	40.952.612.169	4.098.044.647	793.269.959.385

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2023**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Vốn góp của các cổ đông	100,00%	747.525.860.000	100,00%	747.525.860.000
	100%	747.525.860.000	100%	747.525.860.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	747.525.860.000	427.525.860.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	747.525.860.000	427.525.860.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	747.525.860.000	427.525.860.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	-	-

d) Cổ phiếu

	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	74.752.586	74.752.586
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	74.752.586	74.752.586
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	74.752.586	74.752.586
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	74.752.586	74.752.586
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	74.752.586	74.752.586
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	764.692.569	764.692.569
	764.692.569	764.692.569

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	164.817.774.190	256.584.412.947
	164.817.774.190	256.584.412.947

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2023

20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	132.190.000	47.603.159
	132.190.000	47.603.159

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
	VND	VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	155.353.835.136	237.043.339.703
	155.353.835.136	237.043.339.703

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.923.723.816	1.083.427.609
	2.923.723.816	1.083.427.609

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.258.500.893	3.417.626.527
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	9.507.259
	4.258.500.893	3.427.133.786

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
	VND	VND
Chi phí vật liệu, bao bì	2.014.883	126.194.746
Chi phí dịch vụ mua ngoài	947.756.959	1.931.894.571
	949.771.842	2.058.089.317

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2023**25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
	VND	VND
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	195.432.582	1.563.087.098
Chi phí nhân công	1.332.172.976	1.351.741.044
Chi phí khấu hao tài sản cố định	342.760.133	360.391.085
Thuế, phí, lệ phí	11.450.000	84.968.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	873.969.386	585.566.472
Chi phí khác bằng tiền	652.077.586	833.626.718
	3.407.862.663	4.779.380.917

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
	VND	VND
Phạt chậm nộp, truy thu thuế, bảo hiểm	80.061.181	7.788.785
Khấu hao xe trên 1,6 tỷ	86.913.095	104.295.714
Chi phí khấu hao TSCĐ không sử dụng	52.747.884	52.747.884
Chi phí khác	68.345.519	32.770
	288.067.679	164.865.153

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	429.895.644	111.583.249
	429.895.644	111.583.249

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	2.929.209.359	10.040.833.381
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.929.209.359	10.040.833.381
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	74.752.586	42.752.586
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	39	235

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONGThôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2023**29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	53.627.107.393	116.575.864.805
Chi phí nhân công	8.972.083.902	11.623.973.381
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.818.548.845	10.850.527.765
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.893.400.948	73.118.718.253
Chi phí khác bằng tiền	2.901.465.749	4.186.986.378
	84.212.606.837	216.356.070.582

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

31 . THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Bà Trần Thị Thành	Vợ Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn An Cường	Con trai Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn An Quân	Con trai Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn An Dũng	Con trai Chủ tịch HĐQT
Bà Lê Thị Ánh	Con dâu Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Con dâu Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền	Con dâu Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Văn Tuyền	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Nga	Kế toán trưởng
Bà Lê Thị Huyền Thanh	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Trần Đức Mưu	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Mai Thị Hương Lan	Thành viên Ban kiểm soát đến ngày 25/04/2023
Bà Trương Thị Hà	Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 25/04/2023
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Chế biến Lâm sản Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng thương mại và Sản xuất ván ép Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Chế biến Lâm sản An Khang	Bà Nguyễn Thị Thu Hằng là người đại diện pháp luật và là con dâu Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Quốc tế Tre Việt	Ông Nguyễn An Quân là người đại diện pháp luật
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gỗ Tre Việt	Ông Nguyễn An Quân là người đại diện pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2023

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
		VND	VND
Công ty Cổ phần Ván ép Đồng Hới			
Mua hàng hóa, dịch vụ	Công ty liên kết đến ngày 29/03/2023	-	15.096.768.000
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.323.880.000	5.983.750.665
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Chế biến Lâm sản An Khang	Bà Nguyễn Thị Thu Hằng là người đại diện pháp luật và là con dâu Chủ tịch HĐQT	1.620.942.500	511.050.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Quốc tế Tre Việt	Ông Nguyễn An Quân là người đại diện	1.702.937.500	5.472.700.665
Mua hàng hóa, dịch vụ		1.275.340.000	3.431.098.252
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Quốc tế Tre Việt	Ông Nguyễn An Quân là người đại diện	1.275.340.000	3.431.098.252
Thu lại tiền ứng trước		80.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Chế biến Lâm sản An Khang	Bà Nguyễn Thị Thu Hằng là người đại diện pháp luật và là con dâu Chủ tịch HĐQT	40.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Quốc tế Tre Việt	Ông Nguyễn An Quân là người đại diện	40.000.000.000	-
Bà Trần Thị Thánh		8.000.000.000	-
Cho vay	Vợ Chủ tịch HĐQT	8.000.000.000	-
Bà Lê Thị Ánh		2.500.000.000	3.000.000.000
- Thu tiền cho vay	Con dâu CT HĐQT	800.000.000	-
- Thu hồi tiền tạm ứng		1.700.000.000	3.000.000.000
Ông Trần Đức Mưu		10.000.000.000	40.500.000.000
Tạm ứng	Thành viên BKS	10.000.000.000	40.500.000.000
Ông Nguyễn An Dũng		20.000.000.000	-
Tạm ứng	Con trai CT HĐQT	20.000.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 5, 8, 8, 13, 14, 16.

05003E
CÔNG
CỔ PH
ĐẦU TƯ XÂY
PHÁT TRIỂN
THĂNG
LÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2023

Thu nhập của HĐQT và Ban lãnh đạo như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Từ ngày	Từ ngày
		01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
		VND	VND
Ông Nguyễn An Ngọc	Chủ tịch HĐQT	128.880.000	73.200.000
Ông Nguyễn An Quân	Thành viên HĐQT	76.500.000	68.460.000
Ông Phạm Văn Cường	Thành viên HĐQT	59.700.000	56.865.000
Ông Phạm Văn Tuyển	Tổng Giám đốc, TV HĐQT	76.500.000	54.054.000
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên HĐQT	45.960.000	38.596.442
Bà Lê Thị Huyền Thanh	Trưởng ban kiểm soát	28.500.000	28.500.000
Ông Trần Đức Mưu	Thành viên BKS	50.700.000	45.970.800
Bà Mai Thị Hương Lan	Thành viên BKS đến 25/04/2023	14.500.000	37.854.000
Bà Trương Thị Hà	Thành viên BKS từ 25/04/2023	41.251.500	-

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2023 và các thuyết minh tương ứng là số liệu đã được kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 là số liệu đã được kiểm toán soát xét.



Trần Thị Nga
Người lập



Trần Thị Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn An Ngọc
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2023.